CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN
Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.
www.nhuahoasen.vn cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn

BẢNG GIÁ CÔNG BỐ ỐNG NHỰA PVC-U HOA SEN

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc

Tiêu chuẩn ISO 1452-2:2009, TCCS Hoa Sen

(Sử dụng cho nhu cầu thoát nước, tưới tiêu - Bảo hành 01 năm

Hiệu lực áp dụng từ ngày 30/03/2026 đến khi có thông báo mới)

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Class	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
					Chưa VAT	Có VAT
1	Φ21	1.0	Thoát	8.0	7,900	8,532
2		1.2	0	10.0	9,600	10,368
3		1.5	1	12.5	10,500	11,340
4	Φ27	1.0	Thoát	7.0	9,800	10,584
5		1.3	0	10.0	12,300	13,284
6		1.6	1	12.0	14,400	15,552
7	Φ34	1.0	Thoát	6.0	12,600	13,608
8		1.3	0	8.0	14,800	15,984
9		1.7	1	10.0	18,100	19,548
10	Φ42	1.2	Thoát	5.0	18,900	20,412
11		1.5	0	6.0	21,100	22,788
12		1.7	1	8.0	24,900	26,892
13		2.0	2	9.0	28,300	30,564
14	Φ48	1.4	Thoát	5.0	22,100	23,868
15		1.6	0	6.0	25,900	27,972
16		1.9	1	8.0	29,600	31,968
17		2.3	2	10.0	34,100	36,828
18	Φ60	1.4	Thoát	4.0	28,800	31,104
19		1.5	0	5.0	34,400	37,152
20	Φ63	1.6	Thoát	5.0	33,900	36,612
21	Φ75	1.5	Thoát	4.0	40,300	43,524
22		1.9	0	5.0	47,000	50,760
23	Φ90	1.5	Thoát	3.0	49,100	53,028
24		1.8	0	4.0	56,100	60,588
25		2.2	1	5.0	65,800	71,064

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Class	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
					Chưa VAT	Có VAT
26	Φ110	1.9	Thoát	3.0	74,300	80,244
27		2.2	0	4.0	84,000	90,720
28		2.7	1	5.0	97,900	105,732
29	Φ125	2.0	Thoát	4.0	82,000	88,560
30		2.5	0	4.0	103,400	111,672
31		3.1	1	5.0	121,000	130,680
32		3.7	2	6.0	143,400	154,872
33	Φ140	2.2	Thoát	3.0	101,000	109,080
34		2.8	0	4.0	128,500	138,780
35		3.5	1	5.0	151,300	163,404
36	Φ160	2.5	Thoát	3.0	131,100	141,588
37		3.2	0	4.0	171,600	185,328
38		4.0	1	5.0	200,000	216,000
39	Φ200	3.2	Thoát	3.0	245,900	265,572
40		3.9	0	4.0	257,800	278,424
41		4.9	1	5.0	311,500	336,420
42	Φ225	3.5	Thoát	3.0	255,400	275,832
43		4.4	0	4.0	316,000	341,280
44		5.5	1	5.0	379,800	410,184
45	Φ250	3.9	Thoát	3.0	332,300	358,884
46		4.9	0	4.0	414,300	447,444
47		6.2	1	5.0	499,500	539,460
48	Φ280	5.5	Thoát	4.0	496,800	536,544
49		6.9	1	5.0	594,000	641,520
50	Φ315	6.2	Thoát	4.0	627,900	678,132
51		7.7	1	5.0	745,400	805,032

Ghi chú: - Thuế VAT 8%.

- Bảng giá áp dụng cho mặt hàng Ống nhựa PVC-U cấp thoát nước, Ống nhựa PVC-U luồn cáp điện lực, Ống nhựa PVC-U viễn thông.

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2026

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

HOA SEN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn

Vietnam Value DIN ISO SINGAPORE GREEN BUILDING PRODUCT SGBC LEADER

BẢNG GIÁ CÔNG BỐ ỐNG NHỰA PVC-U HOA SEN

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc

Tiêu chuẩn ISO 1452-2:2009, TCCS Hoa Sen

(Bảo hành 05 năm - Hiệu lực áp dụng từ ngày 30/03/2026 đến khi có thông báo mới)

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Class	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
					Chưa VAT	Có VAT
1	Φ21	1.6	2	16.0	12,600	13,608
2		2.4	3	25.0	14,800	15,984
3	Φ27	2.0	2	16.0	16,000	17,280
4		3.0	3	25.0	22,600	24,408
5	Φ34	2.0	2	12.5	22,100	23,868
6		2.6	3	16.0	25,100	27,108
7		3.8	4	25.0	37,300	40,284
8	Φ42	2.5	3	12.5	33,300	35,964
9		3.2	4	16.0	41,100	44,388
10		4.7	5	25.0	55,400	59,832
11	Φ48	2.9	3	12.5	41,300	44,604
12		3.6	4	16.0	51,800	55,944
13		5.4	5	25.0	74,300	80,244
14	Φ60	1.8	1	6.0	41,900	45,252
15		2.3	2	8.0	48,800	52,704
16		2.9	3	10.0	59,000	63,720
17	Φ63	1.9	0	6.0	39,900	43,092
18		2.5	1	8.0	49,600	53,568
19		3.0	2	10.0	62,300	67,284
20		3.8	3	12.5	77,300	83,484
21	Φ75	2.2	1	6.0	53,300	57,564
22		2.9	2	8.0	69,400	74,952
23		3.6	3	10.0	86,000	92,880
24	Φ90	2.7	2	6.0	76,000	82,080
25		3.5	3	8.0	99,600	107,568
26		4.3	4	10.0	123,800	133,704
27		5.4	5	12.5	153,800	166,104
28		6.7	6	16.0	185,800	200,664
29	Φ110	3.2	2	6.0	111,400	120,312
30		4.2	3	8.0	156,000	168,480

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Class	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
					Chưa VAT	Có VAT
31	Φ110	5.3	4	10.0	186,800	201,744
32		6.6	5	12.5	230,500	248,940
33	Φ125	4.8	3	8.0	181,900	196,452
34		6.0	4	10.0	229,100	247,428
35		7.4	5	12.5	280,900	303,372
36		9.2	6	16.0	344,500	372,060
37	Φ140	4.1	2	6.0	178,300	192,564
38		5.4	3	8.0	238,500	257,580
39		6.7	4	10.0	291,900	315,252
40	Φ160	4.7	2	6.0	230,900	249,372
41		6.2	3	8.0	298,600	322,488
42		7.7	4	10.0	378,900	409,212
43		9.5	5	12.5	465,100	502,308
44	Φ200	5.9	2	6.0	362,300	391,284
45		7.7	3	8.0	462,300	499,284
46		9.6	4	10.0	592,400	639,792
47		11.9	5	12.5	730,100	788,508
48	Φ225	6.6	2	6.0	450,100	486,108
49		8.6	3	8.0	584,600	631,368
50		10.8	4	10.0	749,800	809,784
51	Φ250	7.3	2	6.0	582,900	629,532
52		9.6	3	8.0	753,400	813,672
53		11.9	4	10.0	952,400	1,028,592
54	Φ280	8.2	2	6.0	699,800	755,784
55		10.7	3	8.0	899,000	970,920
56		13.4	4	10.0	1,233,000	1,331,640
57	Φ315	9.2	2	6.0	894,300	965,844
58		12.1	3	8.0	1,123,600	1,213,488
59		15.0	4	10.0	1,555,600	1,680,048

Ghi chú: - Thuế VAT 8%.

- Bảng giá áp dụng cho mặt hàng Ống nhựa PVC-U cấp thoát nước, Ống nhựa PVC-U luồn cáp điện lực, Ống nhựa PVC-U viễn thông.

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2026

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

TRỤ SỞ CHÍNH
Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG
Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM
183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn

BẢNG GIÁ CÔNG BỐ ỐNG NHỰA PVC-U HOA SEN

(Ống nhựa sử dụng cho mục đích bơm cát - Không sử dụng cho mục đích khác)

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc

(Hiệu lực từ ngày 30/03/2026 đến khi có thông báo mới)

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
				Chưa VAT	Có VAT
1	Φ90	2.7	6.0	68,400	73,872
2		3.5	8.0	89,800	96,984
3	Φ110	2.7	5.0	88,300	95,364
4		3.2	6.0	100,400	108,432
5	Φ125	3.1	5.0	108,900	117,612
6		3.7	6.0	129,000	139,320
7	Φ140	3.5	5.0	136,100	146,988
8		4.1	6.0	160,400	173,232
9	Φ160	4.0	5.0	180,000	194,400
10		4.7	6.0	207,800	224,424
11	Φ200	4.9	5.0	280,400	302,832
12		5.9	6.0	326,000	352,080
13	Φ225	5.5	5.0	341,800	369,144
14		6.6	6.0	405,300	437,724
15	Φ250	6.2	5.0	449,500	485,460
16		7.3	6.0	524,800	566,784
17	Φ280	6.9	5.0	534,600	577,368
18		8.2	6.0	629,800	680,184
19	Φ315	7.7	5.0	670,900	724,572
20		9.2	6.0	804,900	869,292
21		13.6	8.0	1,353,100	1,461,348

Ghi chú: - Thuế VAT 8%.

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2026

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 350076... C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN * P.PHÚ MỸ - TP.HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN
Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.
www.nhuahoasen.vn cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn

BẢNG GIÁ CÔNG BỐ ỐNG NHỰA PVC-U HOA SEN

(Ống nhựa sử dụng cho mục đích khoan giếng - Không sử dụng cho mục đích khác)

Không bảo hành

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc

(Hiệu lực từ ngày 30/03/2026 đến khi có thông báo mới)

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
				Chưa VAT	Có VAT
1	Φ90	2.7	7.0	68,400	73,872
2	Φ110	3.2	6.0	100,400	108,432
3	Φ125	3.7	6.0	129,000	139,320
4	Φ140	4.1	6.0	160,400	173,232
5	Φ160	4.7	5.0	207,800	224,424

Ghi chú:

- Thuế VAT 8%.
- Ống nhựa màu xanh. Trên thân ống có in dòng chữ: "Ống nhựa sử dụng cho mục đích khoan giếng - Không sử dụng cho mục đích khác".

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2026

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

NGUYỄN NGỌC CƯỜNG